

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 215/2024/DS-PT

Ngày: 09/4/2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu

Ông Mai Văn Hùng Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Mơ - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Hà Ngọc Thu Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 144/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp H Tr, xã B H, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Tuấn A – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

* **Bị đơn:** 1. Bà Lê Thị K, sinh năm 1951

Địa chỉ: Ấp T H T, xã T H T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Khải: Ông Võ Tuấn Vĩnh Th, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 0, Ph H, ấp B T, xã Tr A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Văn bản uỷ quyền ngày 08-8-2017, ngày 19-7-2023)

2. Bà Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp T H Ph, xã T H T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Hồng: Ông Võ Tuấn Vĩnh Thụy, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 0, Ph H, ấp B T, xã Tr A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (Văn bản uỷ quyền ngày 02-8-2017)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị C (Trần Thị C), sinh năm 1952 (chết ngày 24-8-2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C:

1.1- Bà Lê Thị X, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp L B, xã M Ph T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

1.2- Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1972

1.3- Bà Lê Thị T, sinh năm 1976

1.4- Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp H Tr, xã B H, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

1.5- Bà Lê Thị U, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp B N, xã B H Tr, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An

1.6- Bà Lê Thị U N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp , xã B H Đ, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An

1.7- Ông Lê Văn H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp H Tr, xã B H, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp L B, xã M Ph T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1972

4. Bà Lê Thị T, sinh năm 1976

5. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp H Tr, xã B H, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

6. Bà Lê Thị U, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp B N, xã B H Tr, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

7. Bà Lê Thị U N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp , xã B H Đ, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

8. Ông Lê Văn S, sinh năm 1951

9. Ông Lê Văn T, sinh năm 1974

10. Lê Văn Ph, sinh năm 1972

11. Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1980

12. Ông Trần Quốc C, sinh năm 1979

13. Bà Huỳnh Thị Minh C, sinh năm 1977

14. Chị Lê Huỳnh Yên N, sinh năm 1999

15. Chị Lê Huỳnh Thuý V, sinh năm 2003

Cùng địa chỉ: Ấp T H T, xã T H T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn T, ông Lê Văn Ph, bà Lê Thị Tr, ông Trần Quốc C, bà Huỳnh Thị Minh Ch, chị Lê Huỳnh Yên N, chị Lê Huỳnh Thuý V: Ông Võ Tuấn Vĩnh Th, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 0, Ph H, ấp B T, xã Tr A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(Các văn bản uỷ quyền ngày 19-7-2023)

16. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1961

17. Ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1985

18. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Ấp T H Ph, xã T H T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền theo uỷ quyền của ông L, ông B, ông V: Ông Võ Tuấn Vĩnh Th, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 0, Ph H, ấp B T, xã Tr A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(Các văn bản uỷ quyền ngày 28-6-2023)

19. Ông Lê Văn M, sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu phố , thị trấn M Ph, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lê Văn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị U, Lê Thị U N, Lê Thị T, Lê Văn Tr, Lê Văn Ng.

Anh H, anh Th và ông M có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* *Trong đơn khởi kiện ngày 21-7-2018, nguyên đơn ông Lê Văn H và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của ông H đồng thời là đại diện uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà X, ông Ng, bà T, ông Tr, bà U, bà N là bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn S khai hoang, sử dụng diện tích đất 13.182m² tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước (nay là Khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước), huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang từ 1975. Năm 1997, hộ gia đình ông S được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông S đại diện hộ gia đình đứng tên (sau này mới biết), nhưng thực tế thì Ủy ban nhân dân huyện chưa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S.

Năm 1998, Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước làm giả thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên từ ông S cho 02 người, gồm: Bà Lê Thị Kh nhận chuyển nhượng diện tích đất 13.182m²; bà Huỳnh Thị Thanh H nhận chuyển nhượng diện tích đất 13.182m². Thời gian này, gia đình ông S gửi đất cho anh họ là Lê Văn M trông coi giùm. Đến tháng 5-2017, ông H trở về khai hoang để canh tác thì bà H tranh chấp và cho rằng đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông S. Từ đó, ông H tìm hiểu và phát hiện bà H, bà Kh đã làm giả hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông S. Bằng chứng của việc giả mạo là hai bên không có làm giấy tờ mua bán, không có bằng chứng việc giao nhận tiền, hồ sơ chỉ có đơn xin chuyển nhượng, chữ ký trong 02 đơn xin chuyển nhượng không phải là của ông S. Ông S đã chết vào ngày 08-8-2006.

Nay yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất) giữa ông S với bà Kh đối với diện tích đất 13.182m²; huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20-5-1998) giữa ông S với bà H đối với diện tích đất 13.182m².

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Lê Thị Kh là ông Võ Tuấn Vĩnh Th đồng thời ông Th là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T, ông Lê Văn Ph, bà Lê Thị Tr, ông Trần Quốc C, bà Huỳnh Thị Minh Ch, chị Lê Huỳnh Yến N, chị Lê Huỳnh Thuý V trình bày:*

Vào năm 1998, hộ bà Lê Thị Kh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 13.182m² tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước (nay là Khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước), huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang của ông Lê Văn S với giá chuyển nhượng là 04 lượng 03 chỉ 05 phân vàng 24K, bà Khải đã giao đủ vàng cho ông S. Thời điểm đó, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất trên được làm rất chặt chẽ, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Ngày 15-9-1999, hộ bà Kh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01520 QSDĐ/439/QĐUB, thửa đất số 13, tờ bản đồ 02, diện tích 13.182m², mục đích sử dụng: ĐM. Bà Kh nhận đất và quản lý từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng, hộ bà Kh có đào ao, lên liếp, chuyển mục đích sử dụng một phần đất nhưng phía ông S không có tranh chấp gì. Nay, ông H yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông S với bà Kh đối với diện tích đất 13.182m² nêu trên, ông không đồng ý

Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh Hồng là ông Võ Tuấn Vĩnh Thuy đồng thời ông Thuy là người đại diện uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Liêm, ông Nguyễn Trọng Bằng, ông Nguyễn Quang Vinh trình bày:

Vào năm 1998, hộ bà Huỳnh Thị Thanh H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 13.182m² tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước (nay là Khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước), huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang của ông Lê Văn S với giá chuyển nhượng là 04 lượng 03 chỉ 05 phân vàng 24K, bà H đã giao đủ

vàng cho ông S. Thời điểm đó, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất trên được làm rất chặt chẽ, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Ngày 15-9-1999, hộ bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01519/QSDĐ/438/QĐUB, thửa đất số 12, tờ bản đồ 02, diện tích 13.182m², mục đích sử dụng: ĐM. Bà H nhận đất và quản lý từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng, hộ bà Hồng có đào ao, lên liếp, chuyển mục đích sử dụng một phần đất nhưng phía ông Sừ không có tranh chấp gì. Nay, ông H yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông S với bà H đối với diện tích đất 13182m² nêu trên, ông không đồng ý

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lê Văn S trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của bà vợ ông là bà Lê Thị Kh.

Ông Lê Văn M trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại bản án sơ thẩm số: 112/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Phước đã căn cứ các Điều 117, 705, 707, 708 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Văn H yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Đơn xin chuyển nhượng (đổi) quyền sử dụng đất không ghi ngày, tháng, năm) giữa ông Lê Văn S với bà Lê Thị Kh đối với diện tích đất 13.182m² tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước (nay là Khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước), huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Đơn xin chuyển nhượng (đổi) quyền sử dụng đất ngày 20-5-1998) giữa ông Lê Văn S với bà Huỳnh Thị Thanh H đối với diện tích đất 13.182m² tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước (nay là Khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước), huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 10/10/2023, nguyên đơn Lê Văn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị U, Lê Thị U N, Lê Thị T, Lê Văn Tr, Lê Văn Ng có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có nhiều phân tích, lập luận trình bày: Theo qui định pháp luật đất đai năm 1993 có qui định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng, tuy nhiên thủ tục cấp cho ông Sưu là không đúng qui định, không có hồ sơ thể hiện, không có căn cứ nên việc chuyển nhượng từ ông S cho bà Kh, bà H là không phù hợp, không đúng qui định. Cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót trong thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, chưa đánh giá toàn diện về chứng cứ, chứng cứ thu thập chưa đầy đủ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp thiếu sót về chứng cứ thì đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông S cho bà Kh, bà H là có căn cứ pháp luật, đúng qui định; ông S đại diện hộ gia đình thực hiện chuyển nhượng là đúng theo pháp luật tại thời điểm 1995, lời trình bày của nguyên đơn không có căn cứ chứng minh. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, của Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Về tố tụng: Do vụ án được thụ lý theo các yêu cầu khởi kiện, quá trình giải quyết đã nhập, tách vụ án trong các giai đoạn khác nhau. Ngày 26/6/2023 đã đình chỉ các yêu cầu, thụ lý giải quyết trong cùng vụ án, đã đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu kháng cáo nhưng vắng mặt; tại phiên tòa phúc thẩm, anh H, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh H và những người tham gia tố tụng khác có yêu cầu xét xử vắng mặt những người này. Qua xem xét phiên tòa được mở lại lần thứ hai, nội dung kháng cáo của những người có liên quan giống như nội dung kháng cáo của anh H là nguyên đơn, nên xem xét đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vẫn đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ trong vụ án.

[II]- Về nội dung : Căn cứ tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự cho thấy: Thửa đất 12 diện tích 13.182m² do bà Huỳnh Thị Thanh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 15/9/1999 và thửa 13 diện tích 13.182m² do bà Lê Thị Kh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 15/9/1999 cùng toạ lạc ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước (nay là khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước), huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc từ ông Lê Văn S đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 17 diện tích 26.363 ngày 09/12/1997. Có căn cứ cho thấy là do bà Kh và bà H nhận chuyển nhượng từ ông S vào năm 1998, trình tự, thủ tục chuyển nhượng được cho phép và chứng

thực của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước và Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước đúng qui định.

Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà Kh và bà H nhận đất, trực tiếp sử dụng xuyên suốt. Năm 2006 ông S mất, trong thời gian này vợ và các con của ông S không tranh chấp, năm 2017 thì ông M và anh H tự ý đến canh tác đất nên phát sinh tranh chấp. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thể hiện diện đất là do bà Kh và bà H đã được công nhận quyền sử dụng đất từ năm 1999, trực tiếp sử dụng ổn định xuyên suốt từ đó cho đến nay, hiện nay bà Kh và bà H đã chuyển đổi mục đích sử dụng là từ thửa 13 thành thửa 342 (C4) + 347 (C4) (từ loại đất Đ.M thành nuôi trồng thủy sản) và thửa 12 thành thửa 343 (C4) và 346 (C4) (từ loại đất Đ.M thành nuôi trồng thủy sản) cùng ngày 22/6/2006. Thời gian chuyển nhượng đến khi ông S từ trần và sau đó thì không ai tranh chấp hay có ý kiến gì.

[III]- Nguyên đơn cho rằng thủ tục chuyển nhượng là không đúng qui định, do giả tạo nhưng không có căn cứ chứng minh; cho rằng đất cấp cho hộ gia đình nhưng khi chuyển nhượng, bà Kh và bà H nhận đất và sử dụng thì các thành viên trong hộ không ai ngăn cản và tranh chấp, theo Luật đất đai năm 1996 không qui định cụ thể và bắt buộc về chuyển nhượng quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình; và áp dụng theo Bộ luật dân sự năm 1995, tại Điều 117 có qui định chủ hộ là đại diện cho hộ gia đình trong các giao dịch dân sự, từ đó ông S ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà Kh và bà H theo đúng qui định tại các Điều 705, 706, 707 Bộ luật dân sự năm 1995. Do đó, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ pháp lý, bà Kh và bà H sử dụng đất tranh chấp và được cấp giấy chứng nhận là có căn cứ và theo qui định của pháp luật.

[IV]- Từ những cơ sở pháp lý, phân tích đã nêu: Không chấp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư thì trên cơ sở quyền tự định đoạt, quyền cung cấp chứng cứ và yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ; vụ án được thụ lý đã lâu, các đương sự tự cung cấp chứng cứ, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, ngoài ra không có đương sự nào có yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ; đồng thời đề nghị của Luật sư không phù hợp tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn.

Ý kiến và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

[V]- Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 5 Điều 308, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 705, 707, 708 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Văn H. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị U, Lê Thị U N, Lê Thị T, Lê Văn Tr, Lê Văn Ng.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Văn H yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Đơn xin chuyển nhượng (đổi) quyền sử dụng đất không ghi ngày, tháng, năm) giữa ông Lê Văn Sv ới bà Lê Thị Kh đổi với diện tích đất 13.182m² tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước (nay là Khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước), huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Đơn xin chuyển nhượng (đổi) quyền sử dụng đất ngày 20-5-1998) giữa ông Lê Văn S với bà Huỳnh Thị Thanh H đổi với diện tích đất 13.182m² tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Phước (nay là Khu phố 4, thị trấn Mỹ Phước), huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được căn trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012044 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên xem như thi hành xong về án phí.

- Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí các anh chị Lê Thị U, Lê Thị U N, Lê Thị T, Lê Văn Tr, Lê Văn Ng đã nộp theo các biên lai thu số 0012045, 0012046, 0012047, 0012048, 0012049 cùng ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước;
- CC THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Ngọc Giàu

